

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1328/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 tháng 10 năm 2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Kim;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Tiến;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Hiền;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 797/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “V/v tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 928/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 965/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;

Nơi thường trú: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh N;

Địa chỉ liên lạc: Lô C1 – C6 Đường D4, Khu công nghiệp Đ, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Đỗ Thành Nh, sinh năm 1989;

Nơi thường trú: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh C;

Nơi đang sinh sống: 704/10/14 Tổ D, Khu phố E, phường G, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản thì nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Đỗ Thành Nh tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh N vào ngày 19/11/2018. Do thời gian tìm hiểu quá ngắn, nên cũng chưa phát hiện ra khuyết điểm của đối phương. Khi về chung sống thì bà phát hiện giữa bà và ông Nh không cùng quan điểm, tư tưởng, lối sống, nhận thức. Bà cũng muốn quyết định chia tay từ đây, nhưng không ngờ bà lại có thai. Tưởng chừng khi có thai ông Nh thay đổi tính tình, quan tâm, chăm sóc bà. Nhưng không ngờ, ông Nh ngày càng quá đáng, để một mình bà lo toan. Bà nói ra, thì vợ chồng xảy ra cãi vã, xung đột làm không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng. Do đó, bà quyết định về quê sanh em bé. Khi bà về quê sanh em bé, ông Nh cũng không quan tâm mẹ con bà sức khỏe thế nào. Lúc này, trong lòng bà chỉ muốn quyết định ly hôn, nhưng nghĩ đến con còn nhỏ, bà cố gắng chịu đựng. Mặt khác, cũng muốn cho ông Nh thay đổi tính tình, nhưng ông Nh vẫn chứng nào tật đó. Bà và ông Nh ly thân tháng 12/2019 đến nay. Trong thời gian này, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Nay, tình cảm dành cho nhau đã không còn, khả năng đoàn tụ là không thể. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Thành Nh.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 (một) người con Đỗ Nguyễn An N1, sinh ngày 06/12/2019. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con chung đến khi trưởng thành. Không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 05/10/2022 bị đơn – ông Đỗ Thành Nh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp ly hôn”. Theo kết quả xác minh: Ông Đỗ Thành Nh, sinh năm 1989. Từ tháng 3/2022 cho đến nay tạm trú tại 704/10/14 Tổ D, Khu phố E, phường G, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị T – ông Đỗ Thành Nh chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2018 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh N cấp ngày 19/11/2018; số: 100). Nay, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Thành Nh.

Bà T – ông Nh có với nhau 01 (một) người con Đỗ Nguyễn An N1, sinh ngày 06/12/2019. Bà T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh: Mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị T – ông Đỗ Đình Nhân địa phương không nắm rõ, vì họ không đến nhờ địa phương hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, muốn sống ra sao thì sống, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng nguyên đơn và bị đơn, nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”, ... .

Người con Đỗ Nguyễn An N1, sinh ngày 06/12/2019 dưới 36 tháng tuổi. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con. Hội đồng xét xử xét thấy, giao người con Đỗ Nguyễn An N1, sinh ngày 06/12/2019 cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con và việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá

ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nguyên đơn được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023648 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đỗ Thành Nh.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh N cấp ngày 19/11/2018; số: 100 không còn giá trị.

1.2 Về con chung: Có 01 (một) người con Đỗ Nguyễn An N1, sinh ngày 06/12/2019. Giao người con tên N1 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Đỗ Thành Nh cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023648 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0023648 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:**

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường B, thành phố P, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Mỹ Kim**